| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ NHA TRANG**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| **Bản án số: 138/2017/HNGĐ-ST**<br>**Ngày: 03/8/2017**<br>**V/v: Ly hôn** | **NHÂN DANH**<br>**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Tiến Thành
Bà Nguyễn Thị Mộng Lành
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trương Đình Bảo Ngọc
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 585/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 27/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1981
Trú tại: Thôn V 2, xã V, thành phố N.Vắng mặt

- *Bị đơn*: Ông Lê Quý T, sinh năm 1980
Trú tại: Thôn V 2, xã V, thành phố N. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn - bà Phạm Thị Thanh H trình bày:* Bà và ông Lê Quý T tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N. Trong quá trình chung sống do không hợp tính tình và quan điểm sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn tới cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện bà và ông T đã sống ly thân. Nhận thấy không còn tình cảm với ông T, bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/8/2007. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Quý T trình bày*:

Ông và bà H kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, gần đây vợ chồng ông mới nảy sinh mâu thuẫn và mới sống ly thân được khoảng hơn hai tháng. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Bản thân ông vẫn còn thương yêu vợ con, muốn gia đình đoàn tụ.

Nếu tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hương thì ông đồng ý giao con chung là Lê Ngọc Bảo Trâm, sinh ngày 12/8/2007 cho bà Hương trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* *Về tố tụng*: Tòa án triệu tập ông Lê Quý T đến tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2), ông T vẫn vắng mặt. Ngày 31/7/2017, nguyên đơn, bà Phạm Thị Thanh H có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

* *Về nội dung*:

[1]. Ông Lê Quý T và bà Phạm Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà H trình bày quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm và không hợp tính tình đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn tới cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông T không đồng ý.

Tại phiên tòa, phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện về mặt thời gian cho các bên để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H xin ly hôn ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2]. Về con chung: Bà H và ông T đều xác định, ông bà có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/8/2007. Các bên đều có ý kiến, nếu ly hôn sẽ giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi. Sự thống nhất của các đương sự cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Lê Ngọc Bảo T tại bản khai ngày 15/6/2017. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Hương trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4]. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

** Tuyên xử*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Phạm Thị Thanh H được ly hôn ông Lê Quý T.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/8/2007.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006783 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thị Lệ**

* *Nơi nhận:*

- VKSNDTP Nha Trang
- Toà án nhân dân Tỉnh Khánh Hoà;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Hải
- Các đương sự;
- Lưu